

TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI XÃ HỘI HOÁ GIÁO DỤC MẦM NON VÀ PHỔ THÔNG NGOÀI CÔNG LẬP

ThS. ĐẶNG THỊ MINH

Học viện Hành chính Quốc gia

1. Thực trạng công tác quản lý nhà nước đối với các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông ngoài công lập.

Giáo dục mầm non (GDMN) và phổ thông là hai phân hệ giáo dục đầu tiên, cơ bản rất quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân nước ta. Trước yêu cầu giáo dục ở các phân hệ ngày càng tăng về quy mô và nhu cầu học tập càng lớn, trong những năm qua, cùng với việc đẩy mạnh xã hội hoá công tác quản lý nhà nước (QLNN) đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập nói chung, giáo dục bậc mầm non và phổ thông ngoài công lập (PTNCL) nói riêng được thiết lập và tăng cường. Trên cơ sở những nội dung QLNN đối với các cơ sở NCL, Nhà nước đã xây dựng hoàn chỉnh khung pháp lý tạo điều kiện cho công tác QLNN đối với các cơ sở này có hiệu lực, hiệu quả và đã đạt được một số kết quả cụ thể sau:

a. Về tổ chức hoạt động.

Công tác QLNN đối với các cơ sở NCL ở các cấp học này được phân theo các cấp quản lý hành chính, thẩm quyền cho phép thành lập và quản lý các cơ sở GDMN và PTNCL do các cơ quan QLNN ở địa phương thực hiện trên cơ sở những quy định của pháp luật. Theo đó, chủ tịch UBND cấp tỉnh cho phép thành lập trường trung học phổ thông (THPT) và do UBND cấp tỉnh phối hợp với sở giáo dục

và đào tạo quản lý; chủ tịch UBND cấp huyện cho phép thành lập các trường trung học cơ sở (THCS), trường tiểu học (TH), trường mẫu giáo do UBND cấp huyện phối hợp với phòng giáo dục và đào tạo quản lý.

Nhờ có chủ trương xã hội hoá giáo dục, mạng lưới các cơ sở GDMN và PTNCL đã được thành lập và phát triển ở hầu hết các cấp học, các vùng miền, góp phần mở rộng quy mô giáo dục, làm giảm sức ép đối với khu vực công lập. Đến nay số trường MN và PTNCL chiếm tỉ lệ khá cao trong hệ thống giáo dục nước ta: MN chiếm 60%, TH chiếm 0,5%, THCS chiếm 2,7%, THPT chiếm 33%.

Quy mô học sinh, giáo viên ở các cấp học MN và PTNCL ngày càng tăng, đặc biệt bậc GDMN, tỉ lệ học sinh NCL thường gấp 1,5 lần so với công lập, năm học 1997-1998: nhà trẻ chiếm tỉ lệ 61,6%, mẫu giáo: 49,3% đến năm học 2003-2004: nhà trẻ 76,5%, mẫu giáo: 58,4%.

Ở bậc phổ thông có 3 cấp: cấp TH, trong những năm qua, số lượng học sinh NCL không nhiều, tuy nhiên, có xu hướng tăng dần chủ yếu tập trung ở khu vực đô thị. Năm học 2000-2001 có 27.490 học sinh, đến năm 2003-2004 có 29.458; cấp THCS tỉ lệ học sinh NCL có xu hướng giảm dần do hiện đang thực

hiện phổ cập: năm học 2000-2001 có 186.336 học sinh, đến năm 2003-2004: 138.936; cấp THPT tỉ lệ học sinh NCL nhiều nhất, chiếm 30% tổng số học sinh THPT và luôn luôn tăng hàng năm: năm học 2002-2003 có 755.438 học sinh, đến năm 2003-2004 là 832.497 học sinh.

Tỉ lệ học sinh NCL ở cấp học MN và phổ thông cũng có sự chênh lệch lớn giữa các vùng miền trong cả nước. Khu vực có điều kiện kinh tế, xã hội, trình độ dân trí cao và khu vực đông dân cư tỉ lệ học sinh NCL tương đối cao so với các khu vực khác.

Ở bậc GDMN, tỉ lệ trẻ em NCL cao nhất là khu vực đồng bằng sông Hồng: nhà trẻ chiếm 91,50%, MN 88,24%; thấp nhất là đồng bằng sông Cửu Long: Nhà trẻ 37,22%, MN 7,18%. Bậc giáo dục phổ thông tỉ lệ học sinh NCL ở khu vực Đông Nam Bộ là cao nhất nước, TH: 0,86%, THCS: 10,18%, THPT 40,61%; thấp nhất là khu vực Tây Bắc: TH chiếm 0,02%, THCS không có, THPT 9,66%.

Sự chênh lệch này thể hiện khả năng đầu tư của từng vùng miền, sự quan tâm của chính quyền địa phương cũng như nhu cầu học tập của nhân dân, do đó công tác quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước cần tăng cường để phát triển hợp lí cơ sở giáo dục NCL ở các vùng, miền.

b. Về quản lý điều kiện hoạt động.

Nhà nước quản lý các điều kiện để đảm bảo hoạt động của các cơ sở giáo dục NCL có chất lượng thông qua việc quy định rõ tiêu chuẩn đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; quy định các tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết đảm bảo hoạt động của các cơ sở giáo dục NCL. Thực tế nhiều năm qua nhiều cơ sở đảm bảo đúng tiêu chuẩn quy định nên hoạt động có chất lượng.

Trong những năm qua, cùng với sự gia tăng quy mô học sinh, đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục ở các bậc học cũng được tăng cường. GDMN NCL năm 2004 tăng 18.758 giáo viên so với năm 1998, trong đó nhà trẻ tăng 1.030, mẫu giáo tăng 17.728. Giáo viên phổ thông năm 2004 tăng 13.052 so với năm 1998, trong đó TH tăng 116 giáo viên, THCS giảm 394, THPT tăng 13.330.

c. Về huy động, quản lý các nguồn lực và quy định cơ chế quản lý tài chính.

Thực hiện Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 21-08-1997 của Chính phủ về phương hướng và chủ trương xã hội hoá các hoạt động văn hoá, giáo dục, y tế, thể thao và Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 18-9-1999 về chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hoá các hoạt động giáo dục, văn hoá, y tế, thể thao, Nhà nước đã ban hành các chính sách và chế độ ưu đãi đối với các cơ sở giáo dục NCL. Theo đó, các cơ sở giáo dục NCL được ưu tiên thuê nhà, cơ sở hạ tầng của Nhà nước theo quy định của Chính phủ, Nhà nước giao đất ổn định, lâu dài và không thu tiền sử dụng đất đối với đất được giao để xây dựng các cơ sở giáo dục và đào tạo NCL; không phải nộp thuế giá trị gia tăng đối với các hoạt động dạy học, dạy nghề, được miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, được hưởng chế độ ưu đãi tín dụng hiện hành của Nhà nước trong việc xây dựng cơ sở vật chất.

Chính phủ đã giao cho UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ vào tình hình thực tế địa phương, tạo điều kiện thuận lợi nhất bảo đảm phát triển các cơ sở giáo dục NCL theo chế độ ưu đãi của nhà nước. Thực tế cho thấy, xã hội đồng tình với chính sách đất đai của Chính phủ đối với các cơ sở NCL, nhiều địa phương đã cấp đất cho các cơ sở NCL.

xây dựng trường học. Theo thống kê chưa đầy đủ của 33 tỉnh, thành phố, tổng diện tích đất các đơn vị NCL được giao sử dụng là 1.883.014 m², trong đó đất được giao và cấp: 1.652.914m², đất do dân hiến tặng: 142.108m², đất tự mua là 36.054m².

Các cơ sở giáo dục NCL tổ chức thu học phí, lệ phí, thu các khoản đóng góp theo quy định của Chính phủ và cơ quan có thẩm quyền. Hiện nay, mức học phí trường PTNCL ở mức thấp là 30.000đ - 90.000đ/tháng đối với một học sinh. Sự chênh lệch tiền đóng góp từ 10-15 lần giữa các tỉnh, thành phố. Quỹ học phí ở các trường phổ thông bán công, phổ thông dân lập, phổ thông tư thục thực tế hiện nay chỉ dùng cho các khoản chi cơ bản nhằm bảo đảm hoạt động của trường như trả lương, thù lao cho giáo viên, cán bộ cơ hữu và hợp đồng; chi cho các hoạt động giáo dục - dạy học, hoạt động tập thể, văn hoá, thể thao, thiết bị thí nghiệm, mua sắm sửa chữa, tu bổ nâng cấp cơ sở vật chất, tiền thuê cơ sở vật chất, khấu hao tài sản cố định, trả lãi cho ngân hàng hoặc cá nhân đầu tư; chi cho công tác quản lý hành chính; chi quỹ khen thưởng, phúc lợi tập thể; học bổng, miễn phí; bảo hiểm y tế - xã hội cho cán bộ, giáo viên cơ hữu; tích lũy dự phòng tài chính và tái đầu tư phát triển trường sở; chi phí đột xuất khác.

d. Thực hiện thanh tra, kiểm tra.

Nhà nước đã quy định rất rõ về thực hiện thanh tra kiểm tra các cơ sở NCL. Sau khi trường NCL có quyết định thành lập, cơ quan quản lý giáo dục trực tiếp của nhà trường có trách nhiệm tổ chức kiểm tra nhằm đảm bảo trường được hoạt động theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt. Nếu trong thời hạn một năm kể từ ngày có quyết định thành lập trường mà

nhà trường không tổ chức và hoạt động theo kế hoạch thì cơ quan quản lý giáo dục trực tiếp có trách nhiệm trình cấp có thẩm quyền thu hồi quyết định thành lập trường.

Các cơ quan quản lý giáo dục có trách nhiệm thực hiện kiểm tra, thanh tra các hoạt động của trường NCL theo quy định, giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo và vi phạm theo quy định của pháp luật. Cơ quan quản lý giáo dục trực tiếp có trách nhiệm quyết định tạm ngừng giảng dạy hoặc tuyển sinh và trình cấp có thẩm quyền quyết định đình chỉ hoạt động hoặc giải thể nhà trường nếu các trường NCL không chấp hành đúng pháp luật, các quy chế, quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, không đảm bảo chất lượng, không đảm bảo các yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập, không đảm bảo về điều kiện vệ sinh, an toàn trong trường. Các trường trong hệ thống NCL có trách nhiệm tổ chức thực hiện thường xuyên việc tự kiểm tra và thanh tra các hoạt động của nhà trường theo các quy định hiện hành.

Nhìn chung, công tác QLNN về giáo dục nói chung và GDMN, PTNCL nói riêng trong những năm qua đã đạt được nhiều kết quả, góp phần giảm tải đối với hệ thống các trường công lập. Đồng thời, huy động được nguồn lực đa dạng của nhân dân vào sự nghiệp phát triển giáo dục. Tuy nhiên, qua thực tế QLNN đối với các cơ sở giáo dục NCL thời gian qua cũng cho thấy, bên cạnh những mặt được vẫn còn nhiều mặt bất cập trong định hướng phát triển, quy hoạch cũng như trong chỉ đạo thực hiện. Môi trường pháp lý để thực hiện xã hội hoá giáo dục chưa được củng cố và hoàn thiện. Việc cho phép mở các trường dân lập được thực

hiện quá nhanh trong khi chưa tiến hành tổng kết rút kinh nghiệm trước khi nhân ra đại trà, dẫn đến tình trạng Nhà nước buông lỏng quản lý, thiếu kiểm soát chặt chẽ. Cơ sở vật chất như lớp học, thư viện, phòng thí nghiệm, sân chơi, bãi tập, cảnh quan môi trường... của các cơ sở NCL còn thiếu thốn. Việc thực hiện kế hoạch, chương trình giáo dục ở nhiều cơ sở chưa bảo đảm đúng theo quy định. Trình độ, năng lực của đội ngũ giáo viên còn nhiều bất cập, chưa đồng bộ, còn thiếu những giáo viên giỏi. Hệ thống chính sách giáo dục của Nhà nước đối với giáo viên và học sinh ở các cơ sở NCL chưa được quan tâm đầy đủ... Công tác thanh tra, kiểm tra còn nhiều bất cập, chưa bảo đảm thường xuyên theo đúng quy trình.

2. Một số giải pháp.

Để nâng cao hiệu quả công tác QLNN về GDMN và PTNCL cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, tiến hành quy hoạch mạng lưới các trường MN, PTNCL, công lập trên mỗi địa bàn hợp lý, tránh tình trạng có những khu vực tập trung quá nhiều trường, dẫn đến việc không thu hút được học sinh trong khi đó có những nơi lại thiếu trường không có cơ hội để học sinh đến trường.

Hai là, thực hiện phân cấp quản lý giáo dục, đổi mới cơ chế và phương thức quản lý giáo dục theo hướng phân cấp một cách hợp lý nhằm phát huy tiềm năng sáng tạo, tăng quyền chủ động và trách nhiệm của mỗi cơ sở giáo dục và các cấp địa phương trong công tác QLNN đối với GDMN và PTNCL. Thành lập các ban quản lý trường NCL ở hầu hết các sở giáo dục và đào tạo, nếu quy mô phát triển các trường NCL ở địa phương cao thì đối với một số sở giáo dục và đào tạo

có thể thành lập phòng quản lý giáo dục NCL và tương ứng ở các phòng giáo dục và đào tạo có thể cử một cán bộ hoặc một bộ phận chuyên làm tư vấn, tham mưu cho trường phòng giáo dục quản lý các cơ sở này.

Ba là, xây dựng chính sách học phí hợp lý áp dụng đối với học sinh các trường NCL. Có chính sách hỗ trợ các trường NCL tạo điều kiện cho các trường NCL nhận con em gia đình nghèo không đủ điều kiện theo học.

Bốn là, quy định rõ các khoản cần phải đóng góp cụ thể và yêu cầu nhà trường phải có trách nhiệm báo cáo công khai đối với phụ huynh học sinh khi bước vào năm học mới, tránh tình trạng như hiện nay nhiều trường tự quy định ra các khoản để thu không nằm trong quy định của Nhà nước. Có biện pháp khuyến khích phụ huynh học sinh phát hiện những tiêu cực trong nhà trường và thông báo với cơ quan có trách nhiệm xử lý kịp thời và nghiêm túc. Thực hiện thanh tra, kiểm tra thường xuyên và có các chế tài xử phạt đối với các trường vi phạm.

Năm là, các cơ quan quản lý giáo dục cần quy định rõ tiêu chuẩn giáo viên, định mức giáo viên, học sinh/lớp để đảm bảo dạy và học có chất lượng. Mỗi cơ sở giáo dục NCL phải có cam kết nếu vi phạm các tiêu chuẩn theo quy định hoặc chất lượng không đảm bảo sẽ bị thu hồi giấy phép và xử lý nghiêm khắc.

- Tách biệt hai khâu: cho phép thành lập trường và giao chỉ tiêu tuyển sinh. Quyết định thành lập trường là cơ sở pháp lý để có tư cách pháp nhân chuẩn bị cho việc tuyển sinh đầu vào. Sau khi có quyết định và một thời gian hoạt động theo quy định, các cơ quan QLNN có thẩm quyền

(Xem tiếp trang 50).

NHÌN RA NƯỚC NGOÀI

gia của đại diện cộng đồng dân cư xã hội. Phương thức hoạt động của Hội đồng dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên, có sự phối hợp thường xuyên giữa các bộ, ngành, địa phương, đảm bảo sự tham gia và giám sát của cộng đồng dân cư. Mỗi dự án PTBV, phải thể hiện rõ mục tiêu phát triển gắn kinh tế, xã hội và môi trường, thể hiện con người là trung

tâm của sự phát triển kinh tế - xã hội, có cơ chế kiểm tra, kiểm soát quá trình thực hiện chiến lược PTBV□

Tài liệu tham khảo:

- Kinh nghiệm PTBV của Ca-na-da (Tài liệu của Bộ Tài nguyên Môi trường Ca-na-da).
- Kết quả nghiên cứu khảo sát của đoàn cán bộ các ban Đảng về PTBV tại Ca-na-da và Thái Lan tháng 5-2005.
- Tài liệu Phát triển bền vững ở Việt Nam theo Chương trình Nghị sự 21.

* * * * *

TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ CỦA...

(Tiếp theo trang 27)

phải kiểm tra các điều kiện, chỉ tiêu, cơ sở vật chất, số lượng học sinh/lớp... để đảm bảo chất lượng giáo dục.

Không duy trì các cơ sở bán công, các lớp bán công trong trường công lập. Thực tế cho thấy, nhiều trường đang mở rộng để tăng nguồn thu, dẫn đến ảnh hưởng chủ trương phát triển các trường NCL.

Sáu là, Nhà nước cần sớm thống nhất quan điểm về sở hữu đối với các trường NCL, từ đó có các quy định đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Nhà nước, nhà đầu tư, người dạy, người học trong các trường NCL. Mặt khác, thực hiện chính sách bình đẳng giữa trường công lập và NCL về thi đua khen thưởng, công nhận các danh hiệu nhà nước, đào tạo, bồi dưỡng, tiếp nhận, chuyển chuyển cán bộ, giáo viên từ khu vực công sang khu vực NCL và ngược lại. Đặc biệt, chú trọng cơ chế, chính sách đối với giáo viên trong các trường NCL. Hiện nay, các trường NCL tự cân đối thu chi nên giáo viên ở các trường NCL còn nhiều thiệt thòi so với các trường công lập, ngoài việc được

trả lương thấp hơn trường công (trừ một số trường có chất lượng và danh tiếng), các chế độ khác như đào tạo, bồi dưỡng, chế độ bảo hiểm, thai sản... cũng còn nhiều bất cập.

Bảy là, Nhà nước quản lý thống nhất đối với các cơ sở công lập và NCL, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở đó cùng phát triển ổn định, lâu dài, đảm bảo lợi ích của từng cá nhân, tập thể và của toàn xã hội; xây dựng cơ chế phân công và phối hợp hoạt động giữa chính quyền địa phương, nhà trường và các lực lượng xã hội... để nâng cao hiệu quả của công tác xã hội hoá giáo dục mầm non và phổ thông hiện nay nhằm thực hiện tốt Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 24-5-2005 về chủ trương xã hội hoá giáo dục trong giai đoạn mới□

Tài liệu tham khảo:

1. Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19-08-1999 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao.
2. Quy chế tổ chức và hoạt động của các trường ngoài công lập (ban hành kèm theo Quyết định số 39/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 28-8-2001).